

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 6 - 2022

“V/v: ly hôn và chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Vụ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Kim Tiến;

Ông Nguyễn Chí Lin

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lệ Quân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Mạnh Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình số 203/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 về *“Ly hôn và chia tài sản chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Ngô Văn R, sinh năm 1972.

Bị đơn: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: ấp Bình H 2, xã Đức Hòa Th, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngô Văn Minh Tr, sinh năm 1992;

+ Ngô Văn Minh T, sinh năm 1994;

Địa chỉ: ấp Bình H 2, xã Đức Hòa Th, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Đông Đức Hòa Long An, đại diện theo ủy quyền là ông Hứa Hùng Thịnh - chức vụ: phó giám đốc. Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/5/2022 các lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Ngô Văn R trình bày và yêu cầu:

Ông và bà Nguyễn Thị T cưới nhau năm 1991 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An ngày 15/7/2002. Sống chung hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Hiện nay ông và bà T chưa ly thân nhưng không quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc.

Về hôn nhân: ông Ngô Văn R yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: có 02 con chung tên Ngô Văn Minh Tr, sinh năm 1992 và Ngô Văn Minh T, sinh năm 1994. Hiện nay con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: có 01 căn nhà cấp 4 xây trên thửa đất số 1524 tờ bản đồ số 27 diện tích 210 m² tọa lạc tại ấp Bình H 2, xã Đức Hòa Th, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An khi ly hôn ông yêu cầu chia tài sản chung làm 04 phần bằng nhau, ông yêu cầu nhận nhà và sẽ hoàn tiền lại cho con và vợ ông là bà T.

Ngày 09/5/2022 ông Ron có yêu cầu công nhận tài sản riêng là thửa đất số 1524 tờ bản đồ số 27 diện tích 210 m² đất tọa lạc tại ấp Bình H 2, xã Đức Hòa Th, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Tại đơn khởi kiện (phản tố), ngày 06 tháng 5 năm 2022; bản tự khai và các lời khai tiếp theo bị đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày và yêu cầu:

Bà T thống nhất trình bày của ông R về ngày tháng năm kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn về con chung và việc đã trả xong nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về hôn nhân: bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Ngô Văn R.

Về tài sản chung: ngoài phần tài sản chung mà ông R trình bày thì bà R cho rằng tài sản chung của vợ chồng là diện tích đất tại thửa đất số 1524 tờ bản đồ số 27 diện tích 210 m² đất tọa lạc tại ấp Bình H 2, xã Đức Hòa Th, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Đông Đức Hòa Long An, đại diện theo ủy

quyền là ông Hứa Hùng Thịnh vắng mặt có văn bản trình bày như sau: ngày 02/4/2021 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Đông Đức Hòa Long An ông Hứa Hùng Thịnh trình bày rằng nợ vay chưa đến hạn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Đông Đức Hòa Long An sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Văn Minh Tr và Ngô Văn Minh T trình bày như sau: ba mẹ ly hôn hai con không có ý kiến, về phần tài sản chung của ba mẹ Minh Tr và Minh T không có đóng góp công sức nên không yêu cầu chia, nếu ba mẹ cho bao nhiêu thì lấy chứ không yêu cầu gì trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: về hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của ông Ngô Văn Ron và bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: ông R và bà T có 02 con chung tên Ngô Văn Minh Tr, sinh năm 1992 và Ngô Văn Minh T, sinh năm 1994. Hiện nay con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về về tài sản chung, tài sản riêng: xét tại phiên hòa giải ngày 15/6/2022 ông Ngô Văn R và bà Nguyễn Thị T cùng thống nhất rút yêu cầu khởi kiện về phần yêu cầu chia tài sản chung và công nhận tài sản riêng để vợ chồng tự thỏa thuận không tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết và cùng ngày Tòa án có nhận đơn rút yêu cầu khởi kiện (phản tố) yêu cầu chia tài sản chung của bà T và đơn rút yêu cầu khởi kiện về tài sản chung và yêu cầu công nhận tài sản riêng của ông Ngô Văn R, xét việc rút đơn yêu cầu chia tài sản chung, yêu cầu công nhận tài sản riêng của ông R và bà T là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông R và bà T và đình chỉ yêu cầu công nhận tài sản riêng của ông R. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp ông R và bà T sẽ khởi kiện lại và yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

Về nợ chung: ông R và bà T thống nhất trình bày không có, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Đông Đức Hòa Long An trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Ngô Văn R khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị T hiện đang cư trú tại: ấp Bình H 2, xã Đức Hòa Th, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ông Ngô Văn R và bà Nguyễn Thị T chung sống có đăng ký kết hôn ngày 15/7/2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa ông R và bà T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của ông Ngô Văn R Hội đồng xét xử nhận định như sau: ông Ngô Văn R và bà Nguyễn Thị T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, hiện nay ông R và bà T chưa ly thân nhưng không quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa ông R và ông T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông R và bà T thuận tình ly hôn là tự nguyện là phù hợp quy định tại điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về con chung: xét ông R và bà T có 02 con chung tên Ngô Văn Minh Tr, sinh năm 1992 và Ngô Văn Minh T, sinh năm 1994. Hiện nay con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về yêu cầu chia tài sản chung và công nhận tài sản riêng: xét tại phiên hòa giải ngày 15/6/2022 ông Ngô Văn R và bà Nguyễn Thị T cùng thống nhất rút yêu cầu khởi kiện về phần yêu cầu chia tài sản chung và công nhận tài sản riêng để vợ chồng tự thỏa thuận không tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết và cùng ngày Tòa án có nhận đơn rút yêu cầu khởi kiện (phản tố) yêu cầu chia tài sản chung của bà T và đơn rút yêu cầu khởi kiện về yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu công nhận tài sản riêng của ông Ngô Văn R, xét việc rút đơn yêu cầu chia tài sản chung, yêu cầu công nhận tài sản riêng của ông R và bà T là tự nguyện nên căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp.

[7] Về chi phí tố tụng: ông Ngô Văn R và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng là 19.700.000 đồng (mười chín triệu bảy trăm nghìn đồng), số tiền này ông R, bà T đã nộp và chi phí xong.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy: ông Ngô Văn R là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, ông R đã nộp đủ án phí. Hoàn lại cho ông R 2.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về hôn nhân: ghi nhận sự tự nguyện của đương sự ông Ngô Văn R và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

Về nuôi con chung: ông R và bà T có 02 con chung tên Ngô Văn Minh Tr, sinh năm 1992 và Ngô Văn Minh T, sinh năm 1994. Hiện nay con chung đã thành niên nên không đề cập giải quyết.

Về chia tài sản chung: đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của ông Ngô Văn R và bà Nguyễn Thị T đối với yêu cầu chia tài sản chung là nhà và đất tại thửa đất số 1524 tờ bản đồ số 27 diện tích 210 m² tọa lạc tại ấp Bình Hữu 2, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Về công nhận tài sản riêng: đình chỉ yêu cầu công nhận tài sản riêng của ông Ngô Văn R đối với thửa đất số 1524 tờ bản đồ số 27 diện tích 210 m² tọa lạc tại ấp Bình Hữu 2, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu công nhận tài sản riêng đương sự nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại bằng một vụ án khác.

Về nợ chung: các đương sự trình bày không có, không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Về chi phí tố tụng: ông Ngô Văn R và bà Nguyễn Thị T phải chịu chi phí tố tụng là 19.700.000 đồng (mười chín triệu bảy trăm nghìn đồng), tiền chi phí thẩm

định, đo vẽ và định giá tài sản tranh chấp, số tiền này ông R, bà T đã nộp và chi phí xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Ngô Văn R phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ vào số tiền 3.100.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo các biên lai thu số 0007547; 0007548 cùng ngày 26/2/2021 và biên lai thu số 0010225 ngày 09/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa). Ông R đã nộp đủ án phí. Hoàn lại cho ông Ngô Văn R số tiền 2.800.000 đồng (hai triệu, tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị T không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm hoàn lại cho bà T số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0010215 ngày 06/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa).

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- CC. THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Nguyễn Thị Vụ

